TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày 12/8/2020
"V/v: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng do nam nữ chung sống mà không có đăng ký kết hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Tòng và bà Triệu Thị Yên.

Thư ký Toà án: Ông Dương Văn Tiến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 227/2020/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng do nam nữ chung sống mà không có đăng ký kết hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Mai L, sinh năm 1987.

* *Bị đơn:* Anh Nông Văn D, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Thôn ĐL, xã KB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2020, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai và phiên hòa giải ngày 13/7/2020, nguyên đơn chị Hà Thị Mai L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Mai L và Nông Văn D do hai bên tự nguyện tìm hiểu đã tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2002 nhưng kể từ đó cho đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới chị L và anh D sống tại thôn ĐL, xã KB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc cho đến đầu năm 2016 thì giữa chị L và anh D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L đi làm công

nhân ở xa, ít có thời gian quan tâm đến gia đình, anh D nghi ngờ chị L không chung thủy nên ghen tuông, không có sự tin tưởng lẫn nhau dẫn tới thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau và anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Chị L xác định tình cảm không còn đối với anh D, do anh chị không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ giữa chị và anh Nông Văn D theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh D có 02 con là Nông Đức M, sinh ngày 30/11/2003 và Nông Đức H, sinh ngày 23/7/2006. Chị L có quan điểm, hiện nay các con đều có nguyện vọng được ở với bố sau khi ly hôn nên nhất trí để anh D là người trực tiếp nuôi các con theo nguyện vọng của các cháu và không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Giữa chị Hà Thị Mai L và anh Nông Văn D đã tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/7/2020, phiên hòa giải ngày 13/7/2020, bị đơn anh Nông Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn D xác nhận việc anh và chị Hà Thị Mai L qua thời gian tìm hiểu tự nguyện đã về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi cưới anh chị về chung sống tại thôn ĐL, xã KB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình chồng con, giữa anh chị không có sự tin tưởng lẫn nhau và dẫn đến cãi vã nên anh chị ly thân từ năm 2016 đến nay. Anh D nhất trí với việc khởi kiện của chị L, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ chung sống của anh chị là vợ chồng.

- Về con chung: Anh D xác nhận trong quá trình chung sống giữa anh và chị L có 02 con là Nông Đức M, sinh ngày 30/11/2003 và Nông Đức H, sinh ngày 23/7/2006, anh D nhất trí giải quyết quyền nuôi con theo nguyện vọng của con, anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2020 cháu Nông Đức M và cháu Nông Đức H cùng thể hiện nguyện vọng được bố là anh Nông Văn D trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án và giữ nguyên ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết, không thay đổi hay bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự đều thực hiện đúng quy định về quyền, nghĩa vụ của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Đề nghị Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, các Điều 35, 39; 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị Mai L, xác định Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D không có giá trị về pháp lý và không được pháp luật công nhận là vợ chồng; về con chung: Giao cháu Nông Đức M, sinh ngày 30/11/2003 và cháu Nông Đức H, sinh ngày 23/7/2006 cho anh Nông Văn D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của con). Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Chị L và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét; Về nợ chung: Không có. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; anh D không phải chịu án phí DSST ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị Mai L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nông Văn D, nhưng anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp về nuôi con chung của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nông Văn D, có hộ khẩu thường trú tại: xã KB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị Mai L và anh Nông Văn D vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Mai L và anh Nông Văn D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay không có đăng ký kết hôn. Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã xác minh tại UBND xã KB,

huyện Chiêm Hóa (nơi chị L và anh D đã sinh sống) và UBND xã HA (quê quán của chị L) xác định chị L và anh D chưa từng làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, Chị Hà Thị Mai L và anh Nông Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn. Mối quan hệ của chị L và anh D không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị Hà Thị Mai L yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ giữa chị và anh Nông Văn D, Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị Mai L, không công nhận quan hệ giữa chị Hà Thị Mai L và anh Nông Văn D là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung, chị L và anh D có 02 con là Nông Đức M, sinh ngày 30/11/2003 và Nông Đức H, sinh ngày 23/7/2006, chị L và anh D đều thống nhất giải quyết quyền nuôi con theo nguyện vọng của các con (các con đều có nguyện vọng được ở với bố là anh Nông Văn D) và không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn; HĐXX căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Nông Đức M và cháu Nông Đức H cho anh D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của con). Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L và anh D đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết; do vậy HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, do vậy HĐXX cũng không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Hà Thị Mai L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh D không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị Mai L; không công nhận quan hệ giữa chị Hà Thị Mai L và anh Nông Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Đức M, sinh ngày 30/11/2003 và cháu Nông Đức H, sinh ngày 23/7/2006 cho anh Nông Văn D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Hà Thị Mai L không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Mai L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng).* Chị L đã nộp 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0002786 ngày 26/6/2020 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND Tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã KB, Chiêm Hóa,TQ;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lâm Hạnh Quỳnh